

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:

1.1. Giới thiệu về dự toán mua sắm:

- Dự toán mua sắm: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phường Lĩnh Nam giai đoạn 2026-2028.
- Tên Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Lĩnh Nam.
- Nguồn vốn: Ngân sách chi thường xuyên Phường và nguồn thu giá VSMT.
- Nội dung, mục tiêu: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phường Lĩnh Nam giai đoạn 2026-2028.
- Địa điểm thực hiện: phường Lĩnh Nam, thành phố Hà Nội.

1.2. Giới thiệu về gói thầu:

- Tên gói thầu: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phường Lĩnh Nam giai đoạn 2026-2028.
- Giá gói thầu: 63.553.553.318 đồng (đã bao gồm các loại thuế (VAT 10%), phí, lệ phí, chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá 10%).
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 1.037 ngày.
- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.

2. Mục tiêu công việc: Việc triển khai gói thầu dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trên địa bàn phường nhằm tạo nên các không gian xanh, sạch, văn minh, hiện đại nhằm cải thiện sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần người dân trên địa bàn phường Lĩnh Nam, thành phố Hà Nội. Gồm tối thiểu các mục tiêu sau:

- Đảm bảo tuân thủ đúng các Luật đấu thầu, Luật Bảo vệ môi trường, phân cấp của UBND Thành phố và các quy định khác có liên quan
- Thực hiện đồng bộ công tác phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt¹; Có phương án sẵn sàng chuyển đổi điều chỉnh thực

¹ Phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã ban hành tại văn bản số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 và Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

hiện việc phân loại rác trên địa bàn khi có chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng như từ UBND thành phố Hà Nội.

- Đảm bảo chất lượng duy trì vệ sinh môi trường của Thành phố luôn sạch: ngoài giờ thu gom không có rác thải, phế thải phát sinh trên đường phố, các tuyến đường phố luôn sạch; đặc biệt lưu ý đến các điểm giáp ranh giữa các địa bàn.

- Chuyển đổi phương tiện giao thông “xanh” trên địa bàn Thành phố nhằm cải thiện chất lượng không khí: xây dựng lộ trình chuyển đổi và phát triển phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn Thành phố; chuyển đổi toàn bộ phương tiện thu gom, vận chuyển chạy xăng, dầu sang sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn Thành phố; áp dụng cho khu vực trong Vành đai 1 từ 01/7/2026 và mở rộng phạm vi phù hợp với định hướng hình thành các khu vực phát thải thấp¹.

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm ngân sách, thuận tiện cho điều hành sản xuất trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn Thành phố.

- Đảm bảo thu đúng, đủ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố để bù đắp chi ngân sách và đảm bảo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”.

- Mục tiêu lựa chọn được đơn vị đủ năng lực thực hiện công tác duy trì vệ sinh môi trường địa bàn theo phân cấp tại Quyết định số 69/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND Thành phố giai đoạn mới từ 01/01/2026 được đồng bộ bằng các phương tiện cơ giới, hiện đại, đạt hiệu quả, chất lượng cao, xây dựng môi trường Xanh – Sạch – Đẹp hơn nữa cho Thủ đô².

- Có nghiên cứu và đưa ra giải pháp khắc phục được những điểm còn thiếu sót trong những gói thầu trước đây trên địa bàn tham gia đấu thầu và Thành phố.

- Nhà thầu được lựa chọn phải đảm bảo năng lực:

+ Đảm bảo năng lực về: kinh nghiệm và uy tín; quản trị; tài chính; nhân sự; phương tiện, thiết bị, máy,... để thực hiện tốt dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường cũng như các nội dung yêu cầu về năng lực khác phù hợp với điều kiện yêu cầu của địa phương và đúng quy định của pháp luật.

+ Có khả năng huy động phương tiện thiết bị, nhân lực đáp ứng tăng cường trong các sự kiện, lễ tết, khi có nhiệm vụ đột xuất theo yêu cầu của Thành phố, trong các trường hợp sự cố có sự điều chỉnh phân luồng vận chuyển rác thải về nơi xử lý,....

+ Đề xuất được các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thu gom, vận chuyển rõ ràng, hợp lý trên cơ sở nghiên cứu tình hình của địa phương theo hướng cơ giới hóa: lập phương án thu gom và vận chuyển; xóa bỏ các điểm tập kết gây

¹ Thông báo Kết luận số 736/TB-VP ngày 14/11/2025 của Phó Chủ tịch UBND Thành phố Nguyễn Mạnh Quyền tại cuộc họp nghe báo cáo kiểm điểm tiến độ triển khai các chỉ đạo của UBND Thành phố trong việc chuyển đổi phương tiện giao thông “xanh” trên địa bàn Thành phố

² Công văn số 10011/SNNMT-QLCTR ngày 26/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội V/v hướng dẫn đổi mới nâng cao chất lượng duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố cho giai đoạn từ năm 2026

ô nhiễm môi trường; sử dụng vận hành các điểm tập kết, điểm trung chuyển trên địa bàn đúng công năng, đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định tại điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Ưu tiên các phương thức thu gom trực tiếp, thu gom sử dụng compactor, điểm chuyển tải, trạm trung chuyển thay thế các điểm tập kết (điểm cầu) gây ô nhiễm, ách tắc giao thông. Có giải pháp thu gom chất thải công kênh, chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt¹.

- Có giải pháp dự phòng sự cố môi trường (lưu chứa tạm rác tại các điểm trung chuyển địa phương trong số ngày quy định khi có sự cố về vận chuyển, tiếp nhận rác).

- Có phương án tuyên truyền về vệ sinh môi trường: cùng các đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền vệ sinh môi trường trên địa bàn, hướng dẫn nhân dân phương án thu gom rác, đổ rác đúng giờ; thực hiện phân loại rác khi có hướng dẫn từ UBND Thành phố cũng như Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quy định trách nhiệm kiểm tra, giám sát khi thực hiện gói thầu; nêu rõ các vi phạm và chế tài xử lý đối với các vi phạm khi thực hiện gói thầu.

- Quy định rõ hình thức hợp đồng và các nội dung, phương pháp cụ thể để điều chỉnh hợp đồng (nếu có) để thuận lợi trong quản lý hợp đồng và tránh tranh chấp khi thực hiện.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Yêu cầu chung

Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phường Lĩnh Nam giai đoạn 2026-2028. Gồm các nội dung sau:

3.1.1. Công tác duy trì thường xuyên:

a. Công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt:

TG.1.1- Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại đường, phố đến điểm tập kết (tần suất thực hiện 4 ngày/ lần).

TG.1.4- Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết (tần suất thực hiện 7 ngày/ lần)

TG.1.6- Thu gom thủ công chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, điểm chuyển tải (Thu gom ngõ xóm $\leq 3m$) (tần suất thực hiện hàng ngày)

TG.2.3- Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận, điểm chuyển tải bằng xe ô tô tải thùng tải trọng $\leq 1,5$ tấn. (Cự ly trung bình 0-15km) (tần suất thực hiện hàng ngày).

b. Công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

¹ Đối với chất thải nguy hại: UBND xã, phường có trách nhiệm lựa chọn đơn vị đủ năng lực theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường để thu gom, vận chuyển, xử lý

VC1.3- Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng ≤ 5 tấn. Áp dụng: VC.1.3.1: Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng 5 tấn. Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66 (tần suất thực hiện 4 ngày/lần).

VC1.12- Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng >5 tấn đến ≤ 10 tấn. Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66 (tần suất thực hiện hàng ngày).

VC1.17- Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ trạm trung chuyển, điểm chuyển tải đến cơ sở xử lý bằng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn. Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66 (tần suất thực hiện hàng ngày).

VC.2.0- Vận chuyển chất thải cống kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng ≤ 5 tấn (cơ sở xử lý Nam Sơn). Áp dụng: VC.2.0.1: Vận chuyển chất thải cống kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng 5 tấn (tần suất thực hiện 7 ngày/lần).

c. Công tác vệ sinh.

VS.1.0- Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt (tần suất thực hiện hàng ngày).

d. Công tác Vận hành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

TC.4.2- Vận hành điểm chuyển tải chất thải rắn sinh hoạt, sử dụng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn (tần suất thực hiện hàng ngày).

đ. Công tác vệ sinh công cộng:

CC.1.1- Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố cổ; tuyến văn minh đô thị; các tuyến phố chính có chiều rộng > 7 m (tần suất thực hiện hàng ngày).

CC.1.2- Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố còn lại (tần suất thực hiện hàng ngày).

CC.2.2- Quét hè phố bằng thủ công (tần suất thực hiện hàng ngày).

CC.3.0- Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới (tần suất thực hiện hàng ngày).

CC.5.1- Rửa đường bằng xe bồn dung tích $10 \text{ m}^3 \leq \text{xe} \leq 16 \text{ m}^3$, cấp độ 1 (tần suất thực hiện 1 ngày/lần); cấp độ 2: (tần suất thực hiện 2 ngày/lần).

e. Công tác Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách,....

CC.10.0.1- Quét vườn hoa, công viên (tần suất thực hiện hàng ngày).

CC.10.0.3- Làm sạch vườn hoa, công viên (theo tần suất) (tần suất thực hiện hàng ngày).

g. Công tác Duy trì nhà vệ sinh công cộng

SB.91511- Bóc xếp vận chuyển phế thải xây dựng (tần suất thực hiện hàng ngày).

AM.23213- Vận chuyển đất cấp I bằng ô tô tự đổ 7 tấn, cự ly 30 km (tần suất thực hiện hàng ngày).

MT 12- Xử lý đất thải, phế thải xây dựng (tần suất thực hiện hàng ngày).

3.1.2. Công tác duy trì không thường xuyên ((Tăng cường phục vụ các ngày Lễ, Tết như: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, 30/4, 1/5, 2/9,... và các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn khi có chỉ đạo).

CC.5.1- Rửa đường bằng xe bồn dung tích $10\text{ m}^3 \leq \text{xe} \leq 16\text{ m}^3$

CC.3.0- Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới.

Nội dung chính công việc của gói thầu: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phường Lĩnh Nam giai đoạn 2026-2028 đảm bảo chất lượng theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020, Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy trình, định mức dự toán duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội và Công văn số 10011/SNNMT-QLCTR ngày 26/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội V/v hướng dẫn đổi mới nâng cao chất lượng duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố cho giai đoạn từ năm 2026.

❖ Phạm vi Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phường gồm các nội dung sau:

STT	Mã Hiệu	Danh mục dịch vụ	Tần suất	Đơn vị tính	Khối lượng môi thải (khối lượng làm tròn)	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ (số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Công tác thu gom, vận chuyển rác						
I	Thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt						
1	TG.1.1	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại đường, phố đến điểm tập kết	4 ngày/ lần	Km	2.754,724	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
2	TG.1.4	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết	7 ngày/ lần	Km	4.658,329	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
3	TG.1.6	Thu gom thủ công chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, điểm chuyển tải (Thu gom ngõ xóm $\leq 3m$)	hàng ngày	Km	11.408,244	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
4	TG.2.3	Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận, điểm chuyển tải bằng xe ô	hàng ngày	tấn	16.330,850	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày

		tô tải thùng tải trọng $\leq 1,5$ tấn (Cự ly trung bình 0-15km)					
		<i>Thu gom đường, phố</i>					
		<i>Thu gom tại ngõ, xóm > 3m</i>					
II	Vận chuyển						
1	VC1.3	Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng ≤ 5 tấn Áp dụng: VC.1.3.1: Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng 5 tấn	4 ngày/ lần	Tấn	1.685,555	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
		Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
2	VC1.12	Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng >5 tấn đến ≤ 10 tấn;	hàng ngày	Tấn	5.594,049	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
		Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
	-	<i>Thu gom bằng thủ công</i>					
3	VC1.17	Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ trạm trung chuyển, điểm chuyển tải đến cơ sở xử lý bằng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	hàng ngày	Tấn	16.330,850	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
		Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
		<i>Thu gom bằng cơ giới</i>					

4	VC.2.0	Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng ≤ 5 tấn (cơ sở xử lý Nam Sơn) Áp dụng: VC.2.0.1: Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng 5 tấn	7 ngày/ lần	Tấn	713,665	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
		Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
III	Vệ sinh						
1	VS.1.0	Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	hàng ngày	điểm	2.074,000	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
IV	Vận hành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt						
1	TC.4.2	Vận hành điểm chuyên tải chất thải rắn sinh hoạt, sử dụng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	hàng ngày	Tấn	16.330,850	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
B	Vệ sinh công cộng						
I	Vệ sinh công cộng						
1	CC.1.1	Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố cổ; tuyến văn minh đô thị; các tuyến phố chính có chiều rộng > 7 m	hàng ngày	Km	13.342,042	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày

2	CC.1.2	Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố còn lại	hàng ngày	Km	12.485,480	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
3	CC.2.2	Quét hè phố bằng thủ công	hàng ngày	10.000 m ²	2.752,510	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
4	CC.3.0	Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới	hàng ngày	Km	30.350,916	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
5	CC.5.1	Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m ³ ≤ xe ≤ 16 m ³		Km	11.136,553	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
		Cấp độ 1	1 ngày/ lần	Km	6.260,548	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
		Cấp độ 2	2 ngày/ lần	Km	4.876,005	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
II	Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách,....						
1	CC.10.0.1	Quét vườn hoa, công viên	hàng ngày	100m²	1.555,500	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
2	CC.10.0.3	Làm sạch vườn hoa, công viên (theo tần suất)	hàng ngày	100m²	128.069,500	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
III	Duy trì nhà vệ sinh công cộng						
1	SB.91511	Bốc xếp vận chuyển phế thải xây dựng	hàng ngày	1m ³	1.595,384	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
2	AM.23213	Vận chuyển đất cấp I bằng ô tô tự đổ 7 tấn, cự ly 30 km	hàng ngày	10m ³ /1km	159,539	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày

3	MT 12	Xử lý đất thải, phế thải xây dựng	hàng ngày	Tấn	2.074,000	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
IV	CÔNG TÁC DUY TRÌ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (Tăng cường phục vụ cá ngày Lễ, Tết như: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, 30/4, 1/5. 2/9,... và các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn khi có chỉ đạo).						
1	CC.5.1	Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m ³ ≤ xe ≤ 16 m ³		Km	2.886,906	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày
2	CC.3.0	Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới		Km	5.473,116	trên địa bàn Phường Lĩnh Nam	1.037 ngày

❖ **Phạm vi Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phường năm 2026**

STT	Hạng mục	Tần xuất	Đơn vị	Khối lượng giá trị thực hiện 10 tháng Năm 2026		
				KL thực hiện/ngày	Số ngày thực hiện	Khối lượng/năm
A	Công tác thu gom, vận chuyển rác					
I	Thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt					
1	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại đường, phố đến điểm tập kết	4 ngày/ lần	Km	10,636	77	818,972
2	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết	7 ngày/ lần	Km	31,475	44	1.384,909
3	Thu gom thủ công chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, điểm chuyển tải (Thu gom ngõ xóm ≤ 3m)	hàng ngày	Km	11,001	306	3.366,367

4	Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận, diểm chuyển tải bằng xe ô tô tải thùng tải trọng $\leq 1,5$ tấn (Cự ly trung bình 0-15km)	hàng ngày	tấn	14,652	306	4.483,432
	<i>Thu gom đường, phố</i>			5,009		
	<i>Thu gom tại ngõ, xóm > 3m</i>			9,643		
II	Vận chuyển					
1	Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng ≤ 5 tấn Áp dụng: VC.1.3.1: Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng 5 tấn	4 ngày/ lần	Tấn	5,231	77	402,761
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
2	Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng >5 tấn đến ≤ 10 tấn;	hàng ngày	Tấn	5,181	306	1.585,443
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
	<i>Thu gom bằng thủ công</i>					
3	Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ trạm trung chuyển, diểm chuyển tải đến cơ sở xử lý bằng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	hàng ngày	Tấn	14,652	306	4.483,432
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
	<i>Thu gom bằng cơ giới</i>					

4	Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng ≤ 5 tấn (cơ sở xử lý Nam Sơn) Áp dụng: VC.2.0.1: Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng 5 tấn	7 ngày/ lần	Tấn	4,577	44	201,380
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
III	Vệ sinh					
1	Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	hàng ngày	điểm	2	306	612,000
IV	Vận hành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt					
1	Vận hành điểm chuyển tải chất thải rắn sinh hoạt, sử dụng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	hàng ngày	Tấn	14,652	306	4.483,432
B	Vệ sinh công cộng					
I	Vệ sinh công cộng					
1	Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố cổ; tuyến văn minh đô thị; các tuyến phố chính có chiều rộng > 7m	hàng ngày	Km	12,866	306	3.936,996
2	Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố còn lại	hàng ngày	Km	12,040	306	3.684,240
3	Quét hè phố bằng thủ công	hàng ngày	10.000 m ²	2,654	306	812,216
4	Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới	hàng ngày	Km	29,268	306	8.956,008
5	Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m ³ ≤ xe ≤ 16 m ³		Km			3.286,593
	Cấp độ 1	1 ngày/ lần	Km	6,043	306	1.849,158

	Cấp độ 2	2 ngày/ lần	Km	9,395	153	1.437,435
II	Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách,....					
1	Quét vườn hoa, công viên	hàng ngày	100m²	1,500	306	459,000
2	Làm sạch vườn hoa, công viên (theo tần suất)	hàng ngày	100m²	123,500	306	37.791,000
III	Duy trì nhà vệ sinh công cộng					
1	Bốc xếp vận chuyển phế thải xây dựng	hàng ngày	1m ³	1,538	306	470,769
2	Vận chuyển đất cấp I bằng ô tô tự đổ 7 tấn, cự ly 30 km	hàng ngày	10m ³ /1km	0,154	306	47,077
3	Xử lý đất thải, phế thải xây dựng	hàng ngày	Tấn	2,000	306	612,000
IV	CÔNG TÁC DUY TRÌ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (Tăng cường phục vụ cá ngày Lễ, Tết như: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, 30/4, 1/5, 2/9,... và các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn khi có chỉ đạo).					
1	Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m ³ ≤ xe ≤ 16 m ³		Km	15,438	55	849,09
2	Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới		Km	29,268	55	1609,74

❖ Phạm vi Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phường năm 2027

STT	Hạng mục	Tần xuất	Đơn vị	Khối lượng giá trị thực hiện Năm 2027		
				KL thực hiện/ngày	Số ngày thực hiện	Khối lượng/năm
A	Công tác thu gom, vận chuyển rác					
I	Thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt					
1	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại đường, phố đến điểm tập kết	4 ngày/ lần	Km	10,636	91	967,876
2	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết	7 ngày/ lần	Km	31,475	52	1.636,710
3	Thu gom thủ công chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, điểm chuyển tải (Thu gom ngõ xóm $\leq 3m$)	hàng ngày	Km	11,001	365	4.015,438
4	Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận, điểm chuyển tải bằng xe ô tô tải thùng tải trọng $\leq 1,5$ tấn (Cự ly trung bình 0-15km)	hàng ngày	tấn	15,902	365	5.804,206
	<i>Thu gom đường, phố</i>			5,889		
	<i>Thu gom tại ngõ, xóm $> 3m$</i>			10,013		
II	Vận chuyển					
1	Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng ≤ 5 tấn	4 ngày/ lần	Tấn	6,408	91	583,088

	Áp dụng: VC.1.3.1: Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng 5 tấn					
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
2	Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng >5 tấn đến ≤ 10 tấn;	hàng ngày	Tấn	5,380	365	1.963,869
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
	<i>Thu gom bằng thủ công</i>					
3	Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ trạm trung chuyển, điểm chuyển tải đến cơ sở xử lý bằng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	hàng ngày	Tấn	15,902	365	5.804,206
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
	<i>Thu gom bằng cơ giới</i>					
4	Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng ≤ 5 tấn (cơ sở xử lý Nam Sơn) Áp dụng: VC.2.0.1: Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng 5 tấn	7 ngày/ lần	Tấn	4,806	52	249,895
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
III	Vệ sinh					
1	Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	hàng ngày	điểm	2	365	730,000
IV	Vận hành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt					
1	Vận hành điểm chuyển tải chất thải rắn sinh hoạt, sử dụng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	hàng ngày	Tấn	15,902	365	5.804,206

B	Vệ sinh công cộng					
I	Vệ sinh công cộng					
1	Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố cổ; tuyến văn minh đô thị; các tuyến phố chính có chiều rộng > 7m	hàng ngày	Km	12,866	365	4.696,090
2	Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố còn lại	hàng ngày	Km	12,040	365	4.394,600
3	Quét hè phố bằng thủ công	hàng ngày	10.000 m ²	2,654	365	968,820
4	Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới	hàng ngày	Km	29,268	365	10.682,820
5	Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m ³ ≤ xe ≤ 16 m ³		Km			3.924,980
	Cấp độ 1	1 ngày/ lần	Km	6,043	365	2.205,695
	Cấp độ 2	2 ngày/ lần	Km	9,395	183	1.719,285
II	Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách,....					
1	Quét vườn hoa, công viên	hàng ngày	100m²	1,500	365	547,500
2	Làm sạch vườn hoa, công viên (theo tần suất)	hàng ngày	100m²	123,500	365	45.077,500
III	Duy trì nhà vệ sinh công cộng					
1	Bốc xếp vận chuyên phế thải xây dựng	hàng ngày	1m ³	1,538	365	561,538
2	Vận chuyển đất cấp I bằng ô tô tự đổ 7 tấn, cự ly 30 km	hàng ngày	10m ³ /1km	0,154	365	56,154
3	Xử lý đất thải, phế thải xây dựng	hàng ngày	Tấn	2,000	365	730,000
IV	CÔNG TÁC DUY TRÌ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (Tăng cường phục vụ cá ngày Lễ, Tết như: Tết Dương					

	lịch, Tết Âm lịch, 30/4, 1/5. 2/9,... và các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn khi có chỉ đạo).					
1	Rửa đường bằng xe bồn dung tích $10 \text{ m}^3 \leq \text{xe} \leq 16 \text{ m}^3$		Km	15,438	66	1018,908
2	Quét đường phố, dài phân cách bằng cơ giới		Km	29,268	66	1931,688

❖ Phạm vi Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phường năm 2028

STT	Hạng mục	Tần xuất	Đơn vị	Khối lượng giá trị thực hiện Năm 2028		
				KL thực hiện/ngày	Số ngày thực hiện	Khối lượng/năm
A	Công tác thu gom, vận chuyển rác					
I	Thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt					
1	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại đường, phố đến điểm tập kết	4 ngày/ lần	Km	10,636	91	967,876
2	Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết	7 ngày/ lần	Km	31,475	52	1.636,710
3	Thu gom thủ công chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, điểm chuyển tải (Thu gom ngõ xóm $\leq 3\text{m}$)	hàng ngày	Km	11,001	366	4.026,439
4	Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận, điểm chuyển tải bằng xe ô tô tải thùng tải trọng $\leq 1,5$ tấn (Cự ly trung bình 0-15km)	hàng ngày	tấn	16,512	366	6.043,212
	<i>Thu gom đường, phố</i>			6,114		

	<i>Thu gom tại ngõ, xóm > 3m</i>			10,397		
II	Vận chuyển					
1	Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng ≤ 5 tấn Áp dụng: VC.1.3.1: Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng 5 tấn	4 ngày/ lần	Tán	7,689	91	699,706
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
2	Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng >5 tấn đến ≤ 10 tấn;	hàng ngày	Tán	5,587	366	2.044,737
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
	<i>Thu gom bằng thủ công</i>					
3	Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ trạm trung chuyển, điểm chuyển tải đến cơ sở xử lý bằng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	hàng ngày	Tán	16,512	366	6.043,212
	Cự ly Tb $60 < L \leq 65$ km; Hệ số 1,66					
	<i>Thu gom bằng cơ giới</i>					
4	Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng ≤ 5 tấn (cơ sở xử lý Nam Sơn) Áp dụng: VC.2.0.1: Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng 5 tấn	7 ngày/ lần	Tán	5,046	52	262,390

	Cự ly Tb $60 < L \leq 65\text{km}$; Hệ số 1,66					
III	Vệ sinh					
1	Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	hàng ngày	điểm	2	366	732,000
IV	Vận hành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt					
1	Vận hành điểm chuyển tải chất thải rắn sinh hoạt, sử dụng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn	hàng ngày	Tấn	16,512	366	6.043,212
B	Vệ sinh công cộng					
I	Vệ sinh công cộng					
1	Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố cổ; tuyến văn minh đô thị; các tuyến phố chính có chiều rộng > 7m	hàng ngày	Km	12,866	366	4.708,956
2	Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố còn lại	hàng ngày	Km	12,040	366	4.406,640
3	Quét hè phố bằng thủ công	hàng ngày	10.000 m ²	2,654	366	971,474
4	Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới	hàng ngày	Km	29,268	366	10.712,088
5	Rửa đường bằng xe bồn dung tích $10 \text{ m}^3 \leq \text{xe} \leq 16 \text{ m}^3$		Km			3.924,980
	Cấp độ 1	1 ngày/ lần	Km	6,043	365	2.205,695
	Cấp độ 2	2 ngày/ lần	Km	9,395	183	1.719,285
II	Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách,....					
1	Quét vườn hoa, công viên	hàng ngày	100m ²	1,500	366	549,000

2	Làm sạch vườn hoa, công viên (theo tần suất)	hàng ngày	100m ²	123,500	366	45.201,000
III	Duy trì nhà vệ sinh công cộng					
1	Bóc xếp vận chuyển phế thải xây dựng	hàng ngày	1m ³	1,538	366	563,077
2	Vận chuyển đất cấp I bằng ô tô tự đổ 7 tấn, cự ly 30 km	hàng ngày	10m ³ /1km	0,154	366	56,308
3	Xử lý đất thải, phế thải xây dựng	hàng ngày	Tấn	2,000	366	732,000
IV	CÔNG TÁC DUY TRÌ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (Tăng cường phục vụ cá ngày Lễ, Tết như: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, 30/4, 1/5, 2/9,... và các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn khi có chỉ đạo).					
1	Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m ³ ≤ xe ≤ 16 m ³		Km	15,438	66	1018,908
2	Quét đường phố, rải phân cách bằng cơ giới		Km	29,268	66	1931,688

3.2. Yêu cầu về phương tiện, thiết bị, máy sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ

- Cam kết các phương tiện vận chuyển phải:
 - + Phương tiện vận chuyển phải đảm bảo sạch, kín khít, không rò rỉ nước rác, không phát tán mùi.
 - + Đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải; lắp đặt camera đảm bảo giám sát được quá trình tác nghiệp của phương tiện và truyền dữ liệu về cơ quan quản lý nhà nước các cấp, chủ đầu tư.
 - + Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - + Được trang bị thiết bị định vị GPS giám sát hành trình và hệ thống camera trước sau giám sát.
 - + Đảm bảo an toàn giao thông, các quy định về tốc độ, tải trọng... trong quá trình thực hiện dịch vụ.
- Số lượng phương tiện, thiết bị, máy: được xác định theo định mức kinh tế kỹ thuật về công tác duy trì VSMT trên địa bàn Thành phố được UBND thành phố Hà Nội ban hành. Phương tiện thu gom, vận chuyển, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và quy định về Luật Đầu thầu.
- Phương tiện, thiết bị, máy của nhà thầu khi tham gia đấu thầu: Kê khai thông tin về các phương tiện, thiết bị, máy dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo quy định,
- Phương tiện, thiết bị, máy của nhà thầu khi triển khai thực hiện gói thầu: bảo đảm huy động các loại phương tiện, thiết bị, máy cần thiết (sở hữu hoặc thuê) để đáp ứng công việc của gói thầu, cụ thể:
 - + Nếu thuộc sở hữu của nhà thầu, yêu cầu nhà thầu phải có bản sao công chứng hoặc chứng thực đăng ký, giấy đăng kiểm,...
 - + Nếu đi thuê phương tiện, thiết bị, máy yêu cầu nhà thầu có bản sao công chứng hoặc chứng thực hợp đồng thuê phương tiện, thiết bị, máy kèm theo bản sao công chứng hoặc chứng thực tài liệu chứng minh sở hữu phương tiện, thiết bị, máy của bên cho thuê.
 - + Phải có đăng ký, đăng kiểm còn thời hạn, cam kết được gia hạn đăng kiểm trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Khuyến khích sử dụng phương tiện, thiết

bị, máy mới, hiện đại đáp ứng nhu cầu về đổi mới công nghệ, cơ giới hóa việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

+ Đối với xe thu gom – vận chuyển rác: có camera cả phía trước và phía sau, có thiết bị GPS giám sát hành trình để phục vụ giám sát, nghiệm thu, có khả năng kết nối với trung tâm điều khiển, sẵn sàng kết nối thông tin về Sở Tài nguyên và Môi trường (nếu yêu cầu) và với đơn vị quản lý, giám sát: đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của Bộ Giao thông vận tải... Đối với xe vận chuyển rác phải đảm bảo kín khít, đủ dung tích thùng chứa nước rác tạm hoặc có giải pháp kỹ thuật hợp lý để đảm bảo không rơi vãi nước rác trên đường vận chuyển. Phải có điểm vệ sinh, rửa phương tiện thu gom đảm bảo quy định và các điểm lấy nước phục vụ rửa phương tiện, rửa đường (nếu có hạng mục rửa đường).

+ Phương tiện, thiết bị vận chuyển phải đảm bảo sạch, kín khít, không rò rỉ nước rác, không phát tán mùi.

+ Ưu tiên phương tiện sử dụng năng lượng sạch, hoặc đạt tiêu chuẩn khí thải cao (EURO 5, EURO 6).

+ Đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải; lắp đặt camera đảm bảo giám sát được quá trình tác nghiệp của phương tiện và truyền dữ liệu về cơ quan quản lý nhà nước các cấp, chủ đầu tư.

- Đảm bảo quy chuẩn quốc gia về tiếng ồn (theo quy định hiện nay là QCVN26:2025/BNNMT) và các tiêu chuẩn khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Bảo đảm an toàn giao thông, các quy định về tốc độ, tải trọng, giấy phép hoạt động giao thông giờ cao điểm; phương tiện, thiết bị phải đáp ứng các tiêu chuẩn, chất lượng theo quy trình, định mức được UBND Thành phố ban hành trong quá trình thực hiện duy trì vệ sinh môi trường.

- Cung ứng đủ thùng rác theo yêu cầu của Chủ đầu tư để phục vụ thu gom trong ngõ xóm và trên đường phố, các thùng rác phục vụ vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn quy định. Các nhà thầu phải có kế hoạch đặt thùng rác (nếu có) phù hợp với nhu cầu, đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Tiêu chí cơ giới hóa: Thực hiện cơ giới hóa 100% các hạng mục công việc đủ điều kiện cơ giới hóa theo quy định, định mức được UBND Thành phố ban hành. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Đảm bảo việc thực hiện tăng cường đảm bảo VSMT trong các dịp lễ, tết, sự

kiện lớn đột xuất trên địa bàn theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Đối với các phương tiện thu gom (xe gom, xe điện nhỏ, xe vận chuyên): Nhà thầu phải có phương án thiết kế đồng bộ, đảm bảo thẩm mỹ, có logo nhận diện thương hiệu, địa bàn và số điện thoại đường dây nóng in rõ trên thân xe.

3.3. Yêu cầu về nhân sự khi thực hiện dịch vụ

- Nhà thầu có phương án chứng minh khả năng đáp ứng và cam kết bố trí đủ số lượng lao động bao gồm: cán bộ quản lý chung, cán bộ phụ trách môi trường, cán bộ phụ trách thiết bị, cán bộ phụ trách an toàn lao động, cán bộ quản lý địa bàn, công nhân điều khiển máy móc thiết bị, công nhân thu gom rác (dự kiến số người có giấy phép lái xe phù hợp tương ứng với loại xe vận hành) và công nhân duy trì vệ sinh môi trường (VSMT) (dự kiến số công nhân),.... theo định mức kinh tế kỹ thuật của UBND thành phố Hà Nội ban hành;

- Khi triển khai thực hiện gói thầu, người lao động phải được ký hợp đồng lao động, được trả lương, đóng BHXH, BHYT, BHTN và được giải quyết các quyền lợi khác (nếu có) theo đúng quy định pháp luật; người lao động phải có đủ sức khỏe, phải qua đào tạo, được trang bị công cụ lao động, bảo hộ lao động.

- Lao động phải được đào tạo kỹ năng: an toàn lao động, quy trình tác nghiệp, vận hành máy móc, giao tiếp cộng đồng, xử lý tình huống; bồi dưỡng kiến thức về phân loại rác thải tại nguồn.

- Về nhân sự chủ chốt: đối với công tác duy trì VSMT, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải có chuyên môn cao như: áp dụng khoa học công nghệ hiện đại trong việc thu gom, vận chuyển, trung chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn; Trường hợp này Chủ đầu tư có thể xem xét quyết định việc yêu cầu phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì Nhà thầu phải huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này.

- Nhà thầu có sơ đồ tổ chức thực hiện gói thầu, mô tả đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn của từng bộ phận và từng vị trí công việc tham gia thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Đảm bảo nhân sự được đào tạo lành nghề và phù hợp với vị trí đảm nhận trong gói thầu, được bảo hộ an toàn lao động trong quá trình thực hiện dịch vụ.

- Nhà thầu phải đảm bảo đủ nguồn lực thực hiện gói thầu bao gồm: Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự thực hiện gói thầu và thuyết minh sơ đồ, mô tả rõ trách nhiệm, quyền hạn trách nhiệm của từng bộ phận, vị trí công việc.

- Nhà thầu có Biểu đồ tiến độ thực hiện gói thầu chi tiết, đầy đủ gồm các khâu chính và các nội dung khác có liên quan đến các công việc tổ chức, thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của Bảng tiến độ thực hiện theo yêu cầu của E-HSMT.

- An toàn lao động và vệ sinh môi trường: Nhà thầu có biện pháp an toàn lao động và vệ sinh môi trường hợp lý, đầy đủ khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

- An toàn phòng chống cháy nổ tại nơi làm việc: Nhà thầu có biện pháp bảo đảm phòng chống cháy nổ hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ tại Chủ đầu tư.

- Các nhân sự có đầy đủ sức khỏe và trong độ tuổi theo quy định của pháp luật.

- Có các chứng chỉ/chứng nhận vận hành phương tiện theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo nhân sự thay thế trong trường hợp khẩn cấp/đột xuất để đảm bảo khối lượng dịch vụ.

- Cam kết các nhân sự thực hiện gói thầu đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

- Các nhân sự thường xuyên được đào tạo về các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động; hướng dẫn quy trình ứng phó khi xảy ra sự cố, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo nhân sự được đào tạo lành nghề và phù hợp với vị trí đảm nhận trong gói thầu, được bảo hộ an toàn lao động trong quá trình thực hiện dịch vụ.

Trong trường hợp thông thường nhà thầu chịu trách nhiệm về việc quản lý và triển khai nhân lực đảm bảo hiệu quả công việc hàng ngày, hàng giờ, đảm bảo đáp ứng Yêu cầu về kỹ thuật, tiến độ của E-HSMT. Trường hợp đặc biệt Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu rút ngắn tiến độ từng khâu để đảm bảo tiến độ của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải đảm bảo khả năng huy động để đáp ứng tính cấp thiết khi có yêu cầu. Nhà thầu phải bố trí nhân sự đảm bảo đạt yêu cầu tối thiểu cho từng vị trí, chức danh để thực hiện gói thầu đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, tiến độ và hiệu quả kinh tế. Trường hợp cần thiết Chủ đầu tư có thể yêu cầu và nhà thầu phải bố trí Nhân sự của nhà thầu có mặt để chứng minh khả năng huy động nhân sự của nhà thầu tham gia gói thầu này.

3.4. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về mặt kỹ thuật, quy trình công nghệ áp dụng theo quy trình kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:

STT	Mã hiệu và Danh mục dịch vụ	Quy trình tuân thủ
(1)	(2)	(3)
I	Công tác duy trì thường xuyên:	<p>Mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng công việc nêu trên được áp dụng theo đúng quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội tại Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 được UBND thành phố Hà Nội ban hành và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật (nếu có) và Công văn số 10011/SNNMT-QLCTR ngày 26/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội V/v hướng dẫn đổi mới nâng cao chất lượng duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố cho</p>
1	Công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt:	
	<p>TG.1.1- Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân tại đường, phố đến điểm tập kết (tần suất thực hiện 4 ngày/ lần).</p> <p>TG.1.4- Thu gom thủ công chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết (tần suất thực hiện 7 ngày/ lần)</p> <p>TG.1.6- Thu gom thủ công chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, điểm chuyển tải (Thu gom ngõ xóm $\leq 3m$) (tần suất thực hiện hàng ngày)</p> <p>TG.2.3- Thu gom cơ giới chất thải khác còn lại từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận, điểm chuyển tải bằng xe ô tô tải thùng tải trọng $\leq 1,5$ tấn. (Cự ly trung bình 0-15km) (tần suất thực hiện hàng ngày).</p>	
2	Công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:	
	<p>VC1.3- Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng ≤ 5 tấn. Áp dụng:</p> <p>VC.1.3.1: Vận chuyển chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng rời tải trọng 5 tấn. Cự ly $Tb < L \leq 65km$; Hệ số 1,66 (tần suất thực hiện 4 ngày/lần).</p> <p>VC1.12- Vận chuyển chất thải khác còn lại từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép</p>	

	<p>tải trọng >5 tấn đến ≤10 tấn. Cụ ly Tb 60 < L ≤ 65km; Hệ số 1,66 (tần suất thực hiện hàng ngày).</p> <p>VC1.17- Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ trạm trung chuyển, điểm chuyển tải đến cơ sở xử lý bằng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn. Cụ ly Tb 60 < L ≤ 65km; Hệ số 1,66 (tần suất thực hiện hàng ngày).</p> <p>VC.2.0- Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng ≤ 5 tấn (cơ sở xử lý Nam Sơn). Áp dụng: VC.2.0.1: Vận chuyển chất thải công kênh từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý bằng xe ô tô tải thùng tải trọng 5 tấn (tần suất thực hiện 7 ngày/lần).</p>	giai đoạn từ năm 2026.
3	Công tác vệ sinh	
	VS.1.0- Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt (tần suất thực hiện hàng ngày).	
4	Công tác Vận hành trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt	
	TC.4.2- Vận hành điểm chuyển tải chất thải rắn sinh hoạt, sử dụng xe cuốn ép tải trọng > 10 tấn (tần suất thực hiện hàng ngày).	
5	Công tác vệ sinh công cộng:	
	<p>CC.1.1- Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố cổ; tuyến văn minh đô thị; các tuyến phố chính có chiều rộng > 7m (tần suất thực hiện hàng ngày).</p> <p>CC.1.2- Duy trì vệ sinh đường, hè phố bằng cơ giới kết hợp thủ công: Các tuyến phố còn lại (tần suất thực hiện hàng ngày).</p> <p>CC.2.2- Quét hè phố bằng thủ công (tần suất thực hiện hàng ngày).</p> <p>CC.3.0- Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới (tần suất thực hiện hàng ngày).</p>	

	CC.5.1- Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m ³ ≤ xe ≤ 16 m ³ , cấp độ 1 (tần suất thực hiện 1 ngày/lần); cấp độ 2: (tần suất thực hiện 2 ngày/lần).	
6	Công tác Duy trì vệ sinh trong các vườn hoa, công viên, dải phân cách,....	
	CC.10.0.1- Quét vườn hoa, công viên (tần suất thực hiện hàng ngày). CC.10.0.3- Làm sạch vườn hoa, công viên (theo tần suất) (tần suất thực hiện hàng ngày).	
7	Công tác Duy trì nhà vệ sinh công cộng	
	SB.91511- Bốc xếp vận chuyển phế thải xây dựng (tần suất thực hiện hàng ngày). AM.23213- Vận chuyển đất cấp I bằng ô tô tự đổ 7 tấn, cự ly 30 km (tần suất thực hiện hàng ngày). MT 12- Xử lý đất thải, phế thải xây dựng (tần suất thực hiện hàng ngày).	
II	Công tác duy trì không thường xuyên ((Tăng cường phục vụ cá ngày Lễ, Tết như: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, 30/4, 1/5, 2/9,... và các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn khi có chỉ đạo).	
	CC.5.1- Rửa đường bằng xe bồn dung tích 10 m ³ ≤ xe ≤ 16 m ³ CC.3.0- Quét đường phố, dải phân cách bằng cơ giới	

Lưu ý: Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3.5. Yêu cầu khác

3.5.1. Các yêu cầu khác về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về nhân sự, phạm vi cung cấp, yêu cầu về tiến độ cung cấp, biện pháp triển khai, quy định kỹ thuật...theo quy định chi tiết tại Mục 2, Mục 3; Chương III: Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

3.5.2. Các yêu cầu khác về phương thức thanh toán, đối chiếu quy định tại Chương VI – Điều kiện chung và Chương VII - Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

3.5.3. Các yêu cầu về năng lực tài chính và kinh nghiệm: Nhà thầu cam kết nếu trúng thầu thì huy động đảm bảo đủ kinh phí thực hiện hợp đồng theo tiến độ cam kết, sử dụng kinh phí tạm ứng, thanh, quyết toán từ gói thầu theo đúng quy định.

3.5.4. Yêu cầu về bảo mật thông tin: Giữ bí mật và không được cung cấp cho bên thứ ba các nội dung, thông tin liên quan.

3.5.5. Yêu cầu đổi mới trong công tác thu giá dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường:

- Xây dựng hệ thống dữ liệu đầy đủ các đối tượng sử dụng dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý (các hộ gia đình, cá nhân sinh sống thường trú hoặc tạm trú; các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp).

- Xây dựng phương án thu, quy trình thu rõ ràng phù hợp với từng đối tượng đảm bảo thu đúng, đủ.

- Ứng dụng phương thức thu qua các nền tảng số để tránh thất thoát, giảm chi phí nhân công, tăng tính minh bạch.

- Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện thu giá dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường hàng năm so với chỉ tiêu giao; kết quả phải cụ thể đạt/không đạt, chỉ rõ nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

3.5.6. Yêu cầu khác:

Nhà thầu phải thực hiện và hoàn thiện tuân thủ các quy trình, quy phạm hiện hành của Việt Nam trong hoạt động vệ sinh môi trường cũng như phù hợp với các điều kiện riêng của gói thầu.

Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động, trong suốt thời gian thực hiện dịch vụ Nhà thầu phải:

- Quan tâm đầy đủ đến sức khỏe an toàn của người lao động. Đảm bảo trật tự an toàn khi thực hiện gói thầu không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

- Bằng mọi biện pháp hợp lý, Nhà thầu phải bảo vệ môi trường nhằm tránh gây thiệt hại về tài sản và người tại nơi làm việc và khu vực lân cận.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ tài sản, nguyên vật liệu và máy móc thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thực hiện gói thầu.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với tài sản chung, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì Nhà thầu phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính chi phí của mình.

- Tổ chức thực hiện dịch vụ đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Cung cấp những nhân sự lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ và đúng thời hạn nghĩa vụ của Nhà thầu theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện trong thời gian thực hiện.

- Nếu Chủ đầu tư nhận thấy không thể chấp nhận những đại diện của Nhà thầu mà theo ý kiến của Chủ đầu tư người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực hay không thực hiện đúng nhiệm vụ thì Nhà thầu cần thay thế nhân sự khác phù hợp.

- Nhà thầu phải báo cáo các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng hoặc sự cố khẩn cấp nào trong quá trình triển khai. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hoặc sự cố khẩn cấp, Nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Nhà thầu phải có kế hoạch "Tiếp quản địa bàn" từ đơn vị cũ để công tác thu gom, vận chuyển rác không bị gián đoạn. Trong đó khuyến khích: phương án tiếp nhận nhân sự cũ (nếu có) để đảm bảo an sinh xã hội; Phương án chuẩn bị và tập kết phương tiện sẵn sàng; Có giải pháp dự phòng sự cố môi trường (lưu chứa tạm rác tại các trạm trung chuyển địa phương trong số ngày quy định khi có sự cố về vận chuyển, tiếp nhận rác) đặc biệt trong thời gian đầu tiếp nhận bàn giao.

- Nhà thầu phải có xây dựng phương án Phân loại rác tại nguồn phù hợp với các hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng như của UBND Thành phố.

- Nhà thầu phải có phương án tuyên truyền về VSMT: cùng các đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền VSMT trên địa bàn, hướng dẫn nhân dân phương án thu gom rác, đổ rác đúng giờ; thực hiện phân loại rác theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cũng như của UBND Thành phố.

- Nhà thầu phải có giám sát và quản lý bằng công nghệ thông tin như: Nhà thầu phải chứng minh: có hệ thống phần mềm quản lý điều hành nội bộ (quản lý nhân sự, lộ trình xe, điểm tập kết); có khả năng kết nối tiếp nhận và truyền dữ liệu về Trung tâm điều hành (nếu được yêu cầu).

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, giám sát, nghiệm thu dịch vụ cung cấp:

Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ, trình tự thủ tục nghiệm thu (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.

a) Quy trình kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng: Tuân thủ theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Tối thiểu các nội dung sau:

- Số hóa hệ thống giám sát: Ứng dụng công nghệ AI trong quản lý giám sát, có thể thực hiện quản lý, giám sát, đánh giá toàn bộ quá trình tác nghiệp VSMT, từ đó thực hiện quản lý VSMT theo thời gian thực, quản lý khối lượng tác nghiệp, điều độ ứng phó khẩn cấp, đảm bảo phản hồi ngay đối với các ý kiến phản ánh, xử lý tình huống phát sinh trong thời gian ngắn nhất.

- Yêu cầu trong hồ sơ nghiệm thu phải có hồ sơ thống kê khối lượng thực hiện theo GPS và nghiệm thu chất lượng theo giám sát thực tế và giám sát qua hệ thống camera trước sau.

- Xây dựng nền tảng quản lý tập trung: có phần mềm/ứng dụng lưu trữ, quản lý tự động hồ sơ giám sát, nghiệm thu cho cả giai đoạn thực hiện gói thầu.

- Tự động hóa cảnh báo để kịp thời giải quyết: cảnh báo khi tuyến không được thực hiện, xe đi sai tuyến, rác tồn quá thời gian.

- Công khai minh bạch chất lượng dịch vụ để người dân tham gia giám sát cộng đồng.

b) Quy trình nghiệm thu dịch vụ:

- Việc đối chiếu, xác nhận khối lượng thanh toán được thực hiện theo tháng.

- Quy trình nghiệm thu dịch vụ: Tuân thủ theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Các quy định khác sẽ được xác định trong quá trình hoàn thiện hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Lưu ý: Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trích dẫn tại Chương này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.